

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VL
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-5-2023

*V/v tranh chấp Ly hôn, chia tài
sản khi ly hôn.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VL – TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Phan Công Trí**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Ngô Như Ý**.

2. Bà **Kim Thị Sà Mết**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL tham gia phiên tòa:* Bà **Trịnh Thị Mỹ Tiên** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số 40/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2023 về tranh chấp Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Ngọc H**, sinh ngày 01/01/1979 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Béc Hen Nhỏ, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0971.960.522.

2. Bị đơn: Anh **Ngô Văn H1**, sinh năm 1976 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Béc Hen Nhỏ, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu. SĐT: 0765.910.963.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng Chính sách XH**. Trụ sở: Số 169, phố Linh Đường, phường Hoàng Liệt, quận HM, Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông **Đương Quyết T** – Tổng Giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Bà **Phạm Ánh N** – Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện VL, tỉnh Bạc Liêu (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Ngọc H là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Ngô Văn H1 sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn. Do mai mối nên chị và anh H1 chỉ tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Trong quá trình sống chung, do vợ chồng bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp, đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh H1 là vợ chồng.

Sau khi cưới nhau thì anh chị có nhà riêng để ở. Căn nhà này là nhà tình thương do Nhà nước cho, cất trên đất của cha anh H1, anh và chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Có 02 con chung tên: Ngô Tử V, sinh ngày 01/3/2001 và Ngô Văn C, sinh ngày 14/3/2004. Hiện các con đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, nên không yêu cầu giải quyết.

* Bị đơn anh Ngô Văn H1 trình bày: Thời gian sống chung, đăng ký kết hôn, nguyên nhân phát sinh tranh chấp ly hôn, thời gian sống ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung như chị Nguyễn Ngọc H trình bày là đúng. Anh đồng ý Tòa án không công nhận anh và chị H là vợ chồng. Hiện các con đã trưởng thành, có nghề nghiệp ổn định, nên không yêu cầu giải quyết. Căn nhà này là nhà tình thương do nhà nước cho, cất trên đất của cha anh, anh và chị tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng Chính sách XH trình bày: Chị Nguyễn Ngọc H (người vay) và anh Ngô Văn H1 (người thừa kế) vay tại Ngân hàng Chính sách XH như sau: Ngày 10/4/2016, chị H có vay số tiền 20.000.000 đồng để cải tạo đất trồng lúa, thời hạn vay là 03 năm, lãi suất trong hạn là 8,25%/năm, lãi suất quá hạn 10,725%/năm; ngày 11/6/2010, chị H vay 8.000.000 đồng, mục đích vay là cất nhà theo nghị định 167, thời hạn vay 10 năm, lãi suất trong hạn 3%/năm, lãi suất quá hạn 3,9%/năm. Tính đến ngày 24/4/2023, chị H và anh H1 còn nợ ngân hàng tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng. Nay Ngân hàng Chính sách XH yêu cầu chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 thanh toán cho ngân hàng tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/4/2023 đến khi thanh toán xong nợ.

Kiểm sát viên, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký phiên tòa, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 68, Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 và Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 là vợ chồng. Về con chung, đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, chị H và anh H1 không yêu cầu giải quyết, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Chấp nhận yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách XH, buộc chị

H và anh H1 có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng (trong đó chị H và anh H1 mỗi người có trách nhiệm trả 14.000.000 đồng tiền vay gốc và 1.548.026 đồng tiền lãi) và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/4/2023 đến khi thanh toán xong nợ.

Về án phí: Chị H và anh H1 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Ngọc H khởi kiện yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng đối với anh Ngô Văn H1 và hiện nay anh H1 cư trú tại Béc Hen Nhỏ, xã Long Thạnh, huyện VL, tỉnh Bạc Liêu nên Tòa án nhân dân huyện VL thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Chị H, anh H1 và Ngân hàng Chánh sách XH có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị H, anh H1 và Ngân hàng Chính sách XH.

[2] Về nội dung vụ án: Chị H yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng với anh H1, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng ý kiến, tính tình không hòa hợp, đã sống ly thân từ năm 2011 cho đến nay. Chị và anh Ngô Văn H1 sống chung như vợ chồng từ năm 2000, không có đăng ký kết hôn kết hôn. Anh H1 đồng ý theo yêu cầu của chị H.

[2.1] Tại biên bản xác minh ngày 13/4/2023, đại diện chính quyền địa phương nơi vợ chồng chị H, anh H1 sinh sống xác nhận: địa phương không nắm rõ về mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng giữa chị H, anh H1.

[2.2] Xét thấy, chị H và anh H1 tự nguyện chung sống vào năm 2000, chỉ tổ chức lễ cưới, không có đăng ký kết hôn mặc dù chị H, anh H1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và Gia đình, nên hôn nhân giữa chị H, anh H1 không được pháp luật công nhận. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình, không công nhận chị H và anh H1 là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh H1 có 02 con chung tên: Ngô Tử V, sinh ngày 01/3/2001 và Ngô Văn C, sinh ngày 14/3/2004. Hiện các con đã trưởng thành và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về chia tài sản:

[4.1] Về tài sản chung: Chị H và anh H1 thống nhất: Tài sản chung có 01 căn nhà là nhà tình thương do Nhà nước cho, xây dựng trên đất của cha anh H1, anh H1 và chị H tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Xét sự tự nguyện yêu cầu của đương sự phù hợp quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4.2] Về nợ chung:

Chị H và anh H1 trình bày anh chị không có nợ chung. Tuy nhiên, tại biên bản xác minh chính quyền địa phương ngày 13/4/2023, được biết hiện tại anh chị còn nợ Ngân hàng Chính sách XH tiền vay.

Tại Đơn yêu cầu ngày 24/4/2023, Ngân hàng Chính sách XH yêu cầu chị H và anh H1 có trách nhiệm thanh toán: Tính đến ngày 24/4/2023, chị H và anh H1 còn nợ ngân hàng tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng. Nay Ngân hàng Chính sách XH yêu cầu chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 thanh toán cho ngân hàng tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 25/4/2023 đến khi thanh toán xong nợ. Đồng thời ngân hàng cung cấp Sổ vay vốn giải ngân ngày 11/6/2010 có chữ ký của chị H và anh H1, Sổ vay vốn giải ngân ngày 10/4/2016 có chữ ký của chị H và anh H1.

Xét thấy hợp đồng tín dụng đã được ký kết đúng theo quy định pháp luật. Nay Ngân hàng yêu cầu chị H và anh H1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số nợ còn thiếu là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Trong đó, chị H và anh H1 mỗi người có trách nhiệm trả $\frac{1}{2}$ số tiền vay gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 3.096.052 đồng; lãi suất phát sinh từ ngày 25/4/2023 đến khi thanh toán xong nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Án phí Hôn nhân và Gia đình, chị H phải chịu 300.000 đồng và nghĩa vụ thanh toán cho ngân hàng 15.548.026 đồng $\times 5\% = 777.401$ đồng, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Ngô Văn H1 phải chịu án phí của người có nghĩa vụ vụ thanh toán cho ngân hàng 15.548.026 đồng $\times 5\% = 777.401$ đồng, theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 24, điểm e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ngân hàng Chính sách XH không phải nộp tiền tạm ứng án phí khi thụ lý yêu cầu, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện VL, tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 8, khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 463, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 1 Điều 11, điểm a, b khoản 1 Điều 24, điểm a, e khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1, 1.3 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016):

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 là vợ chồng.
2. Về nuôi con chung: Con đã trưởng thành, nên chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về chia tài sản:
 - 3.1. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 tự thỏa thuận, nên không yêu cầu giải quyết.
 - 3.2. Về nợ chung: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng Chính sách XH.

Buộc chị Nguyễn Ngọc H thanh toán cho Ngân hàng Chính sách XH tiền vay còn nợ 15.548.026 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: tiền vay gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), tiền lãi 1.548.026 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi sáu đồng).

Buộc anh Ngô Văn H1 thanh toán cho Ngân hàng Chính sách XH tiền vay còn nợ 15.548.026 đồng (Mười lăm triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi sáu đồng), trong đó: tiền vay gốc là 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng), tiền lãi 1.548.026 đồng (Một triệu năm trăm bốn mươi tám ngàn không trăm hai mươi sáu đồng).

4. Kể từ ngày tiếp theo (ngày 25/4/2023) chị Nguyễn Ngọc H và anh Ngô Văn H1 phải thanh toán cho Ngân hàng Chính sách XH tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà chị Nguyễn Ngọc H, anh Ngô Văn H1 phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí về hôn nhân gia đình và 777.401 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ một đồng) án phí của người có nghĩa vụ về tài sản. Chị H đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001446 ngày 23 tháng 02

năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện VL, chị H còn phải nộp thêm 777.401 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ một đồng).

Anh Ngô Văn H1 phải chịu 777.401 đồng (Bảy trăm bảy mươi bảy ngàn bốn trăm lẻ một đồng) án phí của người có nghĩa vụ về tài sản.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện VL;
- THADS huyện VL;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Thạnh, huyện VL;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Phan Công Trí